

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

Bản án số: 90/2026/DS-ST

Ngày: 16-6-2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thắng

Bà Trương Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày: 20/10/1969 (có mặt).

CCCD số: 09419600691, cấp ngày 08/04/2021.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Đào Thị Kim T1, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02/3/2026 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2017, bà có cho bà T1 vay tiền 02 lần, cụ thể như sau: Lần thứ nhất: 5.000.000 đồng. Lần thứ hai: 2.000.000 đồng. Ngoài ra, bà T1 có tham gia dây hụi (hùn vốn phụ nữ) với số tiền 1.300.000 đồng. Do không có khả năng đóng lại số tiền hụi này nên bà T1 có mượn bà 1.300.000 đồng để đóng hụi. Như vậy, tổng số tiền bà T1 đã vay của bà là 8.300.000 đồng (tám triệu ba trăm nghìn đồng). Do quan hệ láng giềng thân thiết nên khi cho vay, không lập giấy tờ vay tiền. Do bà T1 nợ tiền trong thời gian dài nhưng không thanh toán, lại có lời lẽ thách thức, đến ngày 08/02/2021 bà đã làm đơn yêu cầu hòa giải gửi đến Tổ hòa giải ấp B, yêu cầu bà T1 trả lại số tiền còn nợ. Tại Biên bản hòa giải ngày 17/02/2021, bà T1 thừa nhận còn nợ bà số tiền 8.300.000 đồng và cam kết mỗi tháng trả 100.000 đồng, ba tháng thanh toán một lần cho đến khi hết nợ. Do tình làng nghĩa xóm, bà

đồng ý với phương án trả nợ này. Tuy nhiên, kể từ sau buổi hòa giải cho đến nay, bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo nội dung đã thỏa thuận trong biên bản hòa giải. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 trả cho tôi số tiền còn nợ 8.300.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

- Bị đơn bà Đào Thị Kim T1 vắng mặt không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ giao dịch dân sự. Bị đơn cư trú tại ấp B, xã P, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Tại phiên bị đơn bà Đào Thị Kim T1 vắng mặt không lý do. Phiên tòa được mở lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn. Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập, cố tình vắng mặt không tham gia vụ án, Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành hòa giải được, việc vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ Biên bản hòa giải ngày 17/02/2021 của Tổ hòa giải Ban nhân dân ấp B, xã P, thành phố Cần Thơ, tại buổi hòa giải do Ban nhân dân ấp B tổ chức, bị đơn bà Đào Thị Kim T1 có thừa nhận tổng số tiền còn nợ nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là 8.300.000 đồng và bà T1 hứa trả cho bà T mỗi tháng 100.000 đồng. Tuy nhiên, theo nguyên đơn trình bày kể từ sau buổi hòa giải đến nay thì bị đơn bà T1 chỉ hứa chứ chưa thanh toán được đồng nào. Do hiện nay bị đơn bà T1 chưa thanh toán được nợ, nên nguyên đơn bà T yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ trả tiền vay còn nợ 8.300.000 đồng là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn bà Đào Thị Kim T1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền còn nợ vốn 8.300.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định pháp luật 5% trên số tiền có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[4] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 91, Điều 92, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc bị đơn bà Đào Thị Kim T1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền còn nợ 8.300.000 đồng (Tám triệu ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Đào Thị Kim T1 có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 415.000 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006264 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV7-Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp